

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A
TỈNH B**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2023/HS-ST

Ngày 09-3-2023.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, TỈNH B

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:** Ông P. L. L.

- **Các Hội thẩm nhân dân:**

1. Ông Đ. H. L – Chủ tịch Hội Khuyến học huyện A.

2. Bà V. T. A. V.

- **Thư ký ghi biên bản phiên tòa:** Bà N. H. H. T – Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh B.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh B tham gia phiên tòa:** Ông L. Đ. A – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai trực tiếp vụ án hình sự thụ lý số: 49/2022/TLST-HS, ngày 26 tháng 12 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2023/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 02 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2023/HSST-QĐ ngày 03 tháng 3 năm 2023 đối với bị cáo:

Họ và tên: **N. T. N**, tên gọi khác: Không; giới tính: Nam; sinh ngày: 20.02.2006 tại P, B; nơi cư trú: Thôn Đ, xã M, huyện P, tỉnh B; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt G; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 9/12; nghề nghiệp: Công nhân; con ông: N. T. C (sinh năm 1981) và bà: L. T. H (sinh năm 1981); vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú tại xã M, huyện P, tỉnh B từ ngày 06/10/2022 cho đến nay (*Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa*).

* Người đại diện hợp pháp của bị cáo N: Ông N. T. C – Sinh năm: 1981; nơi cư trú: Thôn Đ, xã M, huyện P, tỉnh B.

* Người bào chữa cho bị cáo N: Ông N. A. Q – Sinh năm: 1976 – Trợ giúp viên pháp lý. Địa chỉ: Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh B (có mặt).

* Người bị hại: Anh V. H. G – Sinh năm: 1987; nơi cư trú: Thôn V, xã H,

huyện A, tỉnh B (chết).

** Người đại diện theo pháp luật của bị hại:*

1. Ông V. V. N – Sinh năm: 1955; nơi cư trú: Thôn V, xã H, huyện A, tỉnh B (có mặt).

2. Bà L. T. A – Sinh năm: 1954; nơi cư trú: Thôn V, xã H, huyện A, tỉnh B (có mặt).

** Người đại diện theo ủy quyền của bà L. T. A:* Ông V. V. N – Sinh năm: 1955; nơi cư trú: Thôn V, xã H, huyện A, tỉnh B (Theo Giấy ủy quyền ngày 22/8/2022) (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

N. T. N (sinh ngày 20.02.2006, không có Giấy phép lái xe theo quy định), làm công nhân ở Công ty Nhà Bè ở cụm công nghiệp xã T, huyện A. Hàng ngày, N được xe ô tô khách của Công ty đưa đón đi làm, tuy nhiên, sáng ngày 06.8.2022, N ngủ dậy muộn nên trễ xe đưa đón công nhân. N thấy xe mô tô biển kiểm soát 80E2-781.51 của ông N. T. C (cha ruột của N) đang dựng trong nhà nên N biết được cha mình để chìa khóa xe để trong lon sắt nên tự ý lấy và điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 80E2-781.51 đến Công ty làm việc.

Khoảng 17h24' cùng ngày, N điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 80E2-781.51 chạy từ Công ty về nhà. Khi đi đến đường ĐH19 thuộc thôn K, xã T, huyện A – đây là đoạn đường một chiều, có biển báo “Cấm đi ngược chiều”, được trải bê tông xi măng bằng, phẳng và thẳng, giữa đường có dải phân cách cố định rộng 2m, phân chia thành 02 phần đường xe chạy riêng biệt, mỗi phần đường rộng 7m, N điều khiển xe mô tô chạy trên phần đường phía Bắc theo hướng Đông – Tây với tốc độ khoảng 40km/h. Lúc này có xe ô tô khách đưa đón công nhân chạy cùng chiều phía trước gây bụi mù mịt, mặc dù, N thấy có biển báo “Cấm đi ngược chiều” nhưng N và nhiều người khác vẫn điều khiển xe mô tô chạy sang phần đường ngược chiều phía Nam. N phát hiện phía trước có xe mô tô 78D2-178.14, do anh V. H. G điều khiển chạy cùng chiều, với tốc độ khoảng 35km/h, gần sát dải phân cách giữa, N liền cho xe mô tô tăng tốc độ lên khoảng 50km/h để vượt qua xe mô tô của G. Lúc vượt xe G do bụi mù mịt, N không thấy rõ phía trước nên không thấy G đã điều khiển xe chạy ra gần giữa đường. Khi khoảng cách giữa hai xe còn khoảng 1m thì N mới thấy xe mô tô của G đang ở trước xe mô tô của N, N liền hãm phanh, bóp còi và lách xe mô tô về phía bên trái theo chiều đi để tránh xe mô tô của G nhưng do khoảng cách quá gần nên không né

tránh kịp, đã để phần dọc xe bên phải xe mô tô của N va chạm vào dọc phần xe bên trái xe mô tô của G, làm 02 xe mô tô ngã xuống đường dẫn đến tai nạn.

Hiện trường vụ tai nạn có Biên bản khám nghiệm, bản vẽ sơ đồ và bản ảnh hiện trường kèm theo hồ sơ vụ án.

Hậu quả vụ án: Anh V. H. G chết trên đường đưa đi cấp cứu, N. T. N bị thương.

Theo Kết luận giám định pháp y về tử thi số 287/2022/PY-TT ngày 30 tháng 8 năm 2022 của Trung tâm Pháp y tỉnh B đối với anh V. H. G, kết luận:

1. Dấu hiệu chính qua giám định:

- Tình trạng tử thi: tai, mũi có máu; hai bàn chân duỗi.
- Vết thương vùng cằm.
- Đa xây xát, bầm tụ máu vùng mặt, lưng, chân.

* Mổ tử thi: Mổ mở rộng vết thương vùng cằm thấy vỡ xương sọ, có máu chảy qua đường vỡ.

2. Nguyên nhân chết: Chấn thương sọ não vỡ sọ, chảy máu nội sọ + đa chấn thương.

Kết quả xét nghiệm nồng độ cồn, ma túy trong máu, trong nước tiểu của bị cáo N. T. N là âm tính; đối với V. H. G cũng âm tính.

Về vật chứng vụ án: Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện A đã thu giữ và xử lý trả lại 01 xe mô tô biển kiểm soát 80E2-781.51 cho chủ sở hữu là ông N. T. C và 01 xe mô tô biển kiểm soát 78D2-178.14 cho ông V. V. N là đại diện gia đình anh V. H. G.

Về dân sự: Bị cáo N. T. N và gia đình đã thương lượng, thỏa thuận bồi thường, khắc phục hậu quả cho gia đình bị hại anh V. H. G với tổng số tiền là 50.000.000^d (năm mươi triệu đồng). Đại diện gia đình bị hại anh V. H. G cũng có đơn bãi nại và đề nghị miễn truy cứu trách nhiệm hình sự đối với bị cáo N. T. N.

Tại bản cáo trạng số: 02/CT-VKSPC, ngày 26/12/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện A đã truy tố bị cáo N. T. N về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A trong phần tranh luận giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo N. T. N về tội: “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 260 của Bộ luật hình sự năm 2015 và không có thay đổi bổ sung gì thêm.

Về tội danh: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo N. T. N phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”. Về trách nhiệm hình sự: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 2 Điều 260; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 91, Điều 101 của Bộ luật hình sự năm 2015

để xử phạt bị cáo N. T. N với mức án tù 12 - 15 tháng tù. Về hình phạt bổ sung: Không. Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng: Không.

Trong phần tranh luận, bị cáo N. T. N không có tranh luận gì đồng thời thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng đã truy tố. Lời nói sau cùng bị cáo cũng như đại diện gia đình bị hại đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo N. T. N – ông N. A. Q phát biểu thống nhất về tội danh mà Viện kiểm sát đã truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các quy định của pháp luật về xử lý người dưới 18 tuổi phạm tội để xử phạt bị cáo với mức án tù. Tuy nhiên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng thêm Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo với mức án tù 12 - 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Xét về mặt thủ tục tố tụng: Trong các giai đoạn điều tra, truy tố, cơ quan tiến hành tố tụng và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Hình sự và Bộ luật tố tụng hình sự 2015. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo và bị hại đều không có ý kiến hoặc khiếu nại gì. Do đó, có đủ căn cứ để xác định: ở các giai đoạn tố tụng này, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, hành vi của những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp; quyền và nghĩa vụ của những người tham gia tố tụng được đảm bảo, các nguyên tắc trong tố tụng hình sự được tôn trọng và thực hiện đầy đủ theo quy định của pháp luật hình sự.

[2]. Xét nội dung của vụ án và hành vi của bị cáo thực hiện, Hội đồng xét xử thấy rằng: Tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi diễn biến của vụ án như nội dung bản cáo trạng đã truy tố. Lời khai của bị cáo trước Tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án như biên bản khám nghiệm hiện trường, kết quả giám định tử thi người bị hại, biên bản xem xét dấu vết trên phương tiện mô tô và đã được thẩm tra làm rõ tại phiên tòa. Như vậy, có đủ cơ sở chứng cứ và yếu tố pháp lý kết luận:

N. T. N không có giấy phép lái xe theo quy định nhưng đã tự ý lấy xe mô tô có dung tích xi-lanh 150cm³ mang biển kiểm soát 80E2-781.51 của gia đình điều khiển tham gia giao thông đường bộ. Tuy nhiên, do N chạy không đúng

phần đường quy định và trong điều kiện tầm nhìn bị hạn chế, thiếu chú ý quan sát, xử lý tình huống không tốt do đó khi cho xe vượt lên xe mô tô của anh V. H. G điều khiển đang chạy cùng chiều phía trước, đã không đảm bảo an toàn và điều kiện để vượt xe dẫn đến tai nạn giao thông với xe mô tô của anh G vào khoảng 17 giờ 24 phút ngày 06.8.2022 tại đường DH19 thuộc thôn K, xã T, huyện A, tỉnh B, hậu quả làm anh G chết, lỗi phần lớn thuộc về bị cáo N.

Hành vi của N. T. N đã vi phạm khoản 9 Điều 8, Điều 12 Luật Giao thông đường bộ gây thiệt hại đến tính mạng của người khác, gây ảnh hưởng đến trật tự an toàn cộng đồng nên cần phải xử lý bị cáo nghiêm khắc bằng pháp luật hình sự.

[3]. Xét tính chất nguy hiểm của hành vi, lỗi của bị cáo đã thực hiện, hậu quả thiệt hại đã xảy ra, Hội đồng xét xử xác định: Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh B truy tố bị cáo N. T. N về tội: “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*” theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Hình sự năm 2015 là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

Hội đồng xét xử kết luận: Bị cáo N. T. N phạm tội: “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*”, thuộc trường hợp: *Không có giấy phép lái xe theo quy định*, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Hình sự năm 2015, do đó cần xét xử bị cáo với mức án nghiêm minh nhằm giáo dục, cải tạo bị cáo và răn đe phòng ngừa chung, góp phần ổn định tình hình an ninh trật tự và an toàn xã hội ở địa phương.

[4]. Xét về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Bị cáo N. T. N phạm tội không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Sau khi phạm tội, bị cáo đã cùng gia đình tích cực bồi thường thỏa đáng và được đại diện gia đình của người bị hại có đơn bãi nại đề nghị miễn truy cứu trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Tại phiên tòa đại diện gia đình bị hại không có yêu cầu bồi thường đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo cũng thành khẩn khai báo, tỏ ý ăn năn hối cải. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Mặt khác, bị cáo phạm tội rất nghiêm trọng nhưng lỗi do vô ý. Xét bị cáo có ông bà nội là người có công với cách mạng nên xem xét là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự khác quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Bị cáo được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên Hội đồng xét xử sẽ áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt mà Viện kiểm sát đã truy tố nghĩ cũng đủ tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

Đồng thời, khi phạm tội, bị cáo là người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi do đó Hội đồng xét xử sẽ áp dụng Điều 91, Điều 101 Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo theo nguyên tắc xử lý hình sự đối với người dưới 18 tuổi phạm tội cho bị cáo hưởng mức hình phạt bằng $\frac{3}{4}$ mức hình phạt của người trên 18 tuổi phạm tội.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa cũng như lời bào chữa của người bào chữa của bị cáo N. T. N có phần phù hợp với nhận định trên nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét xe mô tô 80E2-781.51 là của ông N. T. C – cha ruột của N, việc bị cáo N tự ý lấy xe điều khiển xảy ra tai nạn ông Công không biết nên không xem xét truy cứu trách nhiệm hình sự đối với ông N. T. C là có căn cứ.

[5]. Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng:

[5.1]. Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo N. T. N và gia đình đã thương lượng, thỏa thuận bồi thường, khắc phục hậu quả cho gia đình bị hại anh V. H. G với tổng số tiền là 50.000.000^d (năm mươi triệu đồng) và tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện gia đình anh V. H. G cũng không có yêu cầu bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5.2]. Về xử lý vật chứng: Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện A đã thu giữ và xử lý trả lại 01 xe mô tô biển kiểm soát 80E2-781.51 cho chủ sở hữu là ông N. T. C và 01 xe mô tô biển kiểm soát 78D2-178.14 cho ông V. V. N là đại diện gia đình anh V. H. G nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về án phí: Theo quy định tại các Điều 135 và 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo N. T. N phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 260; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 91; Điều 101 của Bộ luật Hình sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 135 và 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015;

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo N. T. N phạm tội: “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo N. T. N **12 (mười hai) tháng tù**. Thời hạn phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

3. Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng: Không.

4. Về án phí: Bị cáo N. T. N phải chịu 200.000^d (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước.

5. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo, đại diện hợp pháp của bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh B;
- VKSND huyện A;
- VKSND tỉnh B;
- Cơ quan CSĐT Công an huyện A;
- Phòng Hồ sơ NVCS CA huyện A;
- Chi cục THADS huyện A;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu án văn;
- Lưu THA phạt tù;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

P. L. L